

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ LỰC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHỐI CÁC TRƯỜNG CHUYÊN KHU VỰC TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC – VIỆT NAM

THE SITUATION OF PHYSICAL EDUCATION AND PHYSICAL CAPACITY OF HIGH - SCHOOL STUDENTS OF UPPER SECONDARY SCHOOLS IN MOUNTAINOUS MIDLAND AREAS IN NORTHERN – VIETNAM

TS. Bùi Danh Tuyên

ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội

Tóm tắt: Nâng cao chất lượng Giáo dục thể chất trong các trường Trung học phổ thông là yêu cầu cấp bách trong những năm gần đây. Đặc biệt thực tế cho thấy tại khối các trường chuyên tỷ lệ các học sinh bị cong vẹo cột sống, cận thị... nhiều hơn các trường khác. Tác giả tiến hành đánh giá thực trạng về việc dạy và học môn Thể dục cho học sinh Trung học phổ thông các trường chuyên khu vực trung du miền núi phía Bắc, qua đó đề xuất một số giải pháp khắc phục những khó khăn hạn chế trong công tác dạy và học của Trường giúp nâng cao thể chất cho học sinh.

Từ khóa: Trung học phổ thông, Trường Chuyên, Thể lực, thực trạng.

Abstract: Improving the quality of physical education in upper secondary schools is an urgent requirement in recent years. Especially in the reality, in the specialized schools, the percentage of students that have: scoliosis, myopia, ... is higher than other schools. The author conducts an assessment of the current situation of teaching and learning Physical Education for high school students in specialized schools in the Northern Midlands and Mountains, thereby proposing some solutions to overcome the difficulties and limitations in the teaching and learning of the school to help improve the physical fitness of students.

Keywords: high school, specialized schools, physical fitness, reality.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tình hình mới hiện nay, việc quan tâm đến sức khỏe của lực lượng học sinh phổ thông các cấp, đặc biệt là học sinh trung học phổ thông trong các trường chuyên là việc không thể thiếu. Quan tâm đến sự phát triển TDTT trường học là vấn đề cốt lõi trong chiến lược phát triển TDTT nước nhà, vì trường học là môi trường thuận lợi, rộng lớn, giàu tiềm năng để thế hệ trẻ nước ta rèn luyện, đồng thời là nơi để phát hiện nhân tài thể thao cho đất nước.

Qua khảo sát thực tiễn cho thấy thực trạng thể của học sinh các trường THPT chuyên còn nhiều hạn chế như: Các tố chất thể lực của học sinh đều ở mức yếu và kém, số lượng học sinh bị cong vẹo cột sống, cận thị... nhiều hơn so với các trường THPT bình thường khác. Để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất

cho học sinh các trường trung học phổ thông hiện nay, việc nghiên cứu phát triển thể chất cho học sinh các trường THPT chuyên là nhiệm vụ hết sức cần thiết và quan trọng.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: *“Thực trạng công tác GDTC và thể lực của học sinh THPT khối các trường chuyên khu vực Trung du miền núi phía Bắc – Việt Nam.”*

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phương pháp phỏng vấn tọa đàm; phương pháp quan sát sư phạm; phương pháp kiểm tra sư phạm; phương pháp thực nghiệm sư phạm; phương pháp toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất và thể lực của học sinh trung

học phổ thông chuyên khu vực trung du miền núi phía Bắc

2.1.1. Thực trạng về chương trình môn học thể dục cho học sinh trường THPT chuyên khu vực trung du miền núi phía Bắc

Qua quan sát và trao đổi trực tiếp với các giáo viên thể dục tại các trường THPT chuyên khu vực Trung du miền núi phía Bắc cho thấy: Nguyên nhân hạn chế sự phát triển tới chất lượng công tác giáo dục thể chất là thời gian học nội khoá còn ít chưa đủ để học sinh hoạt động thể dục thể thao mang lại hiệu quả. Bên cạnh đó, điều kiện vật chất, trang thiết bị của các trường dành cho môn học này còn nhiều hạn chế nên chất lượng môn học không cao.

Ngoài việc thực hiện đúng chương trình giờ học thể dục chính khoá, các trường cần có chủ trương cải tiến, thay đổi phương pháp giảng dạy môn thể dục nội khoá, để qua đó tạo cho học sinh ý thức ham thích tập luyện. Từ đó mở rộng nội dung và tạo thói quen, nhu cầu và ý thức tập luyện ngoại khoá nhằm tăng thời gian hoạt động thể thao của học sinh, đáp ứng nhu cầu phát triển và nâng cao chất lượng thể chất trong nhà trường.

2.1.2. Thực trạng về nội dung, phương pháp tổ chức quá trình giảng dạy môn học thể dục

Các trường THPT chuyên trên địa bàn các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc đã thực hiện nghiêm túc chương trình môn học thể dục mà Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, với nội dung chương trình gồm hai phần lý thuyết và thực hành.

Tuy nhiên: Việc thực hiện chương trình giáo dục thể chất của các nhà trường chưa được triệt để, nội dung phương pháp tổ chức quá trình giáo dục chưa đáp ứng được nhiệm vụ và yêu cầu của công tác giáo dục thể chất trong nhà trường. Công tác giảng dạy mới dừng lại ở mức trang bị cho học sinh kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác một số môn thể thao, chưa cung cấp đầy đủ những tri thức, cơ sở khoa học về giáo dục thể chất để học sinh có những kiến thức sử dụng các bài tập thể

chất là phương tiện để rèn luyện, phát triển triển thể lực và củng cố nâng cao sức khoẻ. Nhà trường chưa có chính sách, động viên đội ngũ giáo viên tổ chức các hoạt động tự rèn luyện của học sinh và tổ chức, hướng dẫn học sinh thực hiện tốt các hoạt động đó.

2.2. Thực trạng về hoạt động ngoại khoá thể dục, thể thao của học sinh trường trung học phổ thông chuyên các tỉnh trung du miền núi phía Bắc

2.2.1. Thực trạng về hoạt động tập luyện ngoại khoá các môn thể thao của học sinh trường trung học phổ thông chuyên các tỉnh trung du miền núi phía Bắc

Tác giả đã tiến hành xác định động cơ tham gia tập luyện ngoại khoá TĐTT, tần suất và thâm niên tham gia tập luyện ngoại khoá các môn thể thao, hình thức và nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khoá các môn thể thao nếu như được nhà trường tổ chức của 3000 học sinh thuộc các trường THPT chuyên các tỉnh trung du miền núi phía Bắc. Kết quả thu được cho thấy:

Đa số học sinh đều nhận thức được vai trò, tác dụng của tập luyện ngoại khoá các môn thể thao đến sức khoẻ, nâng cao năng lực vận động phục vụ học tập, đồng thời cũng do sự ham thích các môn thể thao. Có thể nói rằng, đây là một trong những yếu tố thuận lợi, và là nhân tố quan trọng để phát triển phong trào tập luyện ngoại khoá các môn thể thao nhằm phát triển thể chất cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất trong nhà trường hiện nay.

Đa số học sinh các trường THPT chuyên các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc đã ý thức được tác dụng của tập luyện ngoại khoá đến rèn luyện thể lực, sức khoẻ, cũng như ham thích tập luyện ngoại khoá các môn thể thao. Đa số các em đều đã từng tham gia tập luyện ngoại khoá các môn thể thao từ cấp học THCS (trước khi chuyển sang cấp học THPT).

Khi tìm hiểu về nhu cầu tham gia tập luyện dưới các hình thức lớp năng khiếu thể thao có giáo viên hướng dẫn, câu lạc bộ thể thao thì

được số học sinh đánh giá rất cao, số phiếu hỏi có nguyện vọng tham gia chiếm tỷ lệ đến 72.64%.

2.2.2. Đánh giá chung về thực trạng công tác giáo dục thể lực cho học sinh trung học phổ thông chuyên các tỉnh trung du miền núi phía Bắc.

Nhằm tìm hiểu thực trạng về công tác giáo dục thể chất cho học sinh THPT chuyên các tỉnh trung du miền núi phía Bắc, tác giả cũng tiến hành phỏng vấn trên đối tượng là 3000 học sinh các khối 10, 11 và 12 về công tác giáo dục thể chất của nhà trường thông qua ý kiến đánh giá về giờ học chính khoá và giờ tập luyện ngoại khoá thể dục thể thao. Kết quả thu được cho thấy:

Có đến 48.20% số học sinh được hỏi đánh giá giờ học nội khoá còn khô khan, cứng nhắc, thiếu hấp dẫn kích thích học sinh tập luyện, và có đến 46.70% ý kiến đánh giá giờ học không đủ điều kiện sân bãi dụng cụ đáp ứng tập luyện, học tập. Một trong những yếu tố chính dẫn đến hiệu quả giờ thể dục nội khoá không cao (còn khô khan, cứng nhắc) là do thiếu dụng cụ tập luyện (chiếm tỷ lệ 46.75%); do điều kiện sân bãi tập luyện không đáp ứng (chiếm tỷ lệ 45.20%).

Khi tìm hiểu ý kiến đánh giá của học sinh về yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ngoại khoá thể dục thể thao, những yếu tố chính được đa số các ý kiến đánh giá lựa chọn bao gồm: Do chương trình học tập văn hoá nặng nề nên không sắp xếp được thời gian để tham gia tập luyện ngoại khoá (chiếm tỷ lệ 45.40%); không có tổ chức, giáo viên hướng dẫn (chiếm tỷ lệ 31.70%); không có điều kiện sân bãi dụng cụ tập luyện (chiếm tỷ lệ 18.25%); số rất ít các ý kiến còn lại cho rằng do không ham thích tập

luyện ngoại khoá môn thể thao nào (chiếm tỷ lệ 1.20%) và do không được bạn bè ủng hộ (chiếm tỷ lệ 0.70%).

Tiếp theo, quá trình nghiên cứu tiến hành khảo sát về thực trạng công tác giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường thông qua ý kiến đánh giá của các cán bộ quản lý, chuyên môn, các giáo viên của các trường THPT chuyên khu vực trung du miền núi phía Bắc. Đối tượng phỏng vấn của tác giả là 35 cán bộ giáo viên thuộc các đơn vị có liên quan trong nhà trường, bao gồm: Ban giám hiệu, Ban chấp hành Công đoàn trường, Đoàn thanh niên, cán bộ quản lý các tổ bộ môn và các giáo viên thể dục. Kết quả phỏng vấn cho thấy:

Công tác giáo dục thể chất trong những năm qua được đánh giá là đã đáp ứng từng phần những yêu cầu đặt ra của nhà trường và chương trình GDTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, khi tọa đàm trực tiếp với các đối tượng phỏng vấn, các ý kiến đều mong muốn rằng: Cần tăng cường công tác xã hội hoá trong các hoạt động thi đấu thể thao và tập luyện TDTT trong nhà trường. Đây là một trong những mục tiêu cần đạt được để phát triển thể chất cho học sinh, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thể chất.

2.3. Thực trạng về các yếu tố và các điều kiện đảm bảo cho công tác giáo dục thể lực và thể thao tại trường trung học phổ thông chuyên các tỉnh trung du miền núi phía Bắc

2.3.1. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học.

Tác giả tiến hành điều tra, khảo sát thực trạng cơ sở vật chất tại 08 trường THPT chuyên khu vực trung du miền núi phía Bắc, kết quả thu được như trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục thể chất và thể thao tại các trường THPT chuyên khu vực Trung du miền núi phía Bắc (n=8)

TT	Sân bãi - dụng cụ	Số trường có	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Sân đá cầu	8/8	16	100.00	Sân trường
2	Sân cầu lông	8/8	16	100.00	Sân trường

TT	Sân bãi - dụng cụ	Số trường có	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
3	Sân tập thể dục	8/8	8	100.00	Sân trường
4	Phòng học cờ vua và các trang thiết bị tập luyện	4/8	4	50.00	Phòng học
5	Đường chạy 60m	8/8	8	100.00	Sân trường
6	Hố nhảy cao, nhảy xa	8/8	8	100.00	Hố cát
7	Nhà tập thể chất	4/8	4	50.00	Nhà cấp 4

Từ kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy, với 8 trường THPT chuyên khu vực các tỉnh trung du miền núi phía Bắc, hầu hết cũng đã quan tâm đến việc đầu tư cơ sở vật chất cho môn thể dục nói riêng, cũng như công tác giáo dục thể chất nói chung. Tuy nhiên, để có các sân tập đảm bảo tiêu chuẩn thì số trường đảm bảo được các yêu cầu này là rất khó khăn.

Hàng năm, trang thiết bị dụng cụ tập luyện tuy có bổ sung, mua sắm mới nhưng vẫn chưa đáp ứng được công tác giảng dạy và phong trào tập luyện TDTT ngoại khoá của học sinh trong trường. Mặt khác, các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện đã cũ kỹ, lạc hậu, nhiều thiết bị không đúng với quy cách dẫn đến không đảm bảo an toàn khi sử dụng. Ngoài ra việc đầu tư về cơ sở vật chất cho tập luyện các môn thể thao khác cũng đã được các nhà trường quan tâm đầu tư: Xà đơn, xà kép, phòng học cờ vua với các trang thiết bị bàn cờ treo, bàn cờ thi đấu. Có thể nói rằng hiện nay cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập cơ bản thiếu về số lượng và chưa đảm bảo về chất lượng, ảnh hưởng đến việc học tập nội khoá cũng như phong trào tập luyện ngoại khoá thể dục thể thao của học sinh.

2.3.2. Thực trạng về đội ngũ giáo viên thể dục thể thao

Tác giả đã tiến hành khảo sát thực trạng đội ngũ giáo viên thể dục tại 08 trường THPT chuyên các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc (thông qua số liệu lưu trữ tại các Sở Giáo dục và Đào tạo). Đội ngũ giáo viên thể dục này là những người trực tiếp hướng dẫn học sinh thực

hiện giờ học chính khoá và giờ ngoại khoá ở trong trường và ngoài trường kết quả thu được.

Trong tổng số 08 trường THPT chuyên các tỉnh trung du miền núi phía Bắc, có 40 giáo viên thể dục (gồm cả chuyên trách và kiêm nhiệm) về cơ bản đã đảm bảo số lượng, trung bình mỗi trường có 5 giáo viên phụ trách dạy học môn thể dục.

Về trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên cho thấy, số giáo viên thể dục có trình độ trên đại học là 8 người (chiếm tỷ lệ 20%), số giáo viên có trình độ đại học là 32 người (chiếm tỷ lệ 80%) đều được đào tạo đúng chuyên ngành giáo dục thể chất. Như vậy có thể thấy rằng, số lượng giáo viên thể dục đã được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn (hoàn thiện trình độ đại học theo đúng chuẩn yêu cầu) đạt 100%.

2.4. Thực trạng thể lực của học sinh trường trung học phổ thông chuyên các tỉnh trung du miền núi phía Bắc

2.4.1. Thực trạng về kết quả học tập môn học thể dục của học sinh THPT chuyên các tỉnh trung du miền núi phía Bắc

Tác giả tiến hành đánh giá thực trạng kết quả học tập môn thể dục trong chương trình chính khoá (bao gồm nội dung lý thuyết và thực hành). Điểm lý thuyết và thực hành được kiểm tra nằm trong chương trình giảng dạy nội dung chính khoá của tổ bộ môn thể dục, có thang điểm, quy định và quy cách đánh giá kết quả học tập.

Điểm học tập lý thuyết và kỹ thuật thể thao của học sinh năm học 2012 - 2013 là điểm trung bình trung của các nội dung lý thuyết và

thực hành ở các học kỳ tương ứng với từng khối 10, khối 11 và khối 12 (được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và

Đào tạo về ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông), kết quả thu được như trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng kết quả học tập môn thể dục của học sinh THPT chuyên các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc (n=2626)

Khối lớp		Kết quả xếp loại học tập môn thể dục	
		Tốt, Đạt	Chưa đạt
Khối lớp 10 (n = 936)	n	613	323
	Tỷ lệ %	65.41	34.59
Khối lớp 11 (n = 850)	n	575	275
	Tỷ lệ %	67.66	32.34
Khối lớp 12 (n = 840)	n	587	253
	Tỷ lệ %	69.87	30.13
Tổng	n	1775	851
	Tỷ lệ %	67.58	32.42

Từ kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy:

Tỷ lệ học sinh tốt, đạt yêu cầu của các khối 10, 11 và 12: Tổng số có 1775/2626 học sinh, chiếm tỷ lệ 67.58%; trong đó khối 10 có 613/934 học sinh, chiếm tỷ lệ 65.41%; khối 11 có 575/850 học sinh, chiếm tỷ lệ 67.66%; cao nhất là khối 12 có 587/840 học sinh, chiếm tỷ lệ 69.87%. Qua khảo sát cho thấy, các em học sinh này có kết quả cao ở các nội dung thực hành trong chương trình môn học thể dục chính khóa.

Trong khi đó tỷ lệ học sinh chưa đạt yêu cầu của các khối 10, 11 và 12 vẫn còn tương đối cao: Tổng số có 851/2626 học sinh, chiếm tỷ lệ 32.42%; trong đó khối 10 có 323/934 học sinh, chiếm tỷ lệ 34.59%; khối 11 có 275/850 học sinh, chiếm tỷ lệ 32.34%; mức thấp nhất là khối 12 có 253/840 học sinh, chiếm tỷ lệ 30.13%.

2.4.2. Đánh giá thực trạng về thể lực của học sinh trung học phổ thông chuyên các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc

Nhằm đánh giá thực trạng thể chất của đối tượng nghiên cứu, tác giả đã tiến hành khảo sát, kiểm tra sự phạm trên đối tượng 2626 em học sinh khối 10 (936 học sinh), 11 (850 học

sinh) và 12 (840 học sinh) thuộc 8 trường THPT chuyên các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc bao gồm:

1. Trường THPT Chuyên Bắc Giang – tỉnh Bắc Giang
2. Trường THPT Chuyên Tuyên Quang – tỉnh Tuyên Quang
3. Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ - tỉnh Hòa Bình
4. Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành – tỉnh Yên Bái
5. Trường THPT Chuyên Hùng Vương – tỉnh Phú Thọ
6. Trường THPT Chuyên Chu Văn An – tỉnh Lạng Sơn
7. Trường THPT Chuyên Cao Bằng – tỉnh Cao Bằng
8. Trường THPT Chuyên Hà Giang – tỉnh Hà Giang

Thông qua các test đánh giá theo rèn luyện thể lực đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và ban hành (theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 ban hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên). Lựa chọn 4 test đánh giá, bao gồm:

1. Bật xa tại chỗ (cm)
2. Chạy 30m XPC (s)
3. Chạy con thoi 4x10m (s)
4. Chạy tùy sức 5 phút (m)

sinh theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, kết quả được trình bày ở bảng 3, 4, 5.

Khi so sánh, đối chiếu kết quả thu được với tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực của học

Bảng 3. Thực trạng thể lực của học sinh THPT chuyên Khối lớp 10 các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc (15 tuổi) thời điểm năm học 2016 - 2017

TT	Nội dung	Học sinh nam (n = 504)		Học sinh nữ (n = 432)		Tổng (n = 936)	
		Số đạt yêu cầu	Tỷ lệ %	Số đạt yêu cầu	Tỷ lệ %	Số đạt yêu cầu	Tỷ lệ %
1	Bật xa tại chỗ (cm)	248	49.19	193	44.82	441	47.11
2	Chạy 30m XPC (s)	342	68.57	238	55.27	580	61.96
3	Chạy con thoi 4 × 10m (s)	253	50.20	175	40.69	428	45.72
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	163	32.44	132	30.58	268	28.63
	Trung bình	251	49.90	184	42.70	429	45.86

Bảng 4. Thực trạng thể lực của học sinh THPT chuyên Khối lớp 11 các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc (16 tuổi) thời điểm năm học 2016 - 2017

TT	Nội dung	Học sinh nam (n = 495)		Học sinh nữ (n = 355)		Tổng (n = 850)	
		Số đạt yêu cầu	Tỷ lệ %	Số đạt yêu cầu	Tỷ lệ %	Số đạt yêu cầu	Tỷ lệ %
1	Bật xa tại chỗ (cm)	243	49.25	159	44.92	402	47.29
2	Chạy 30m XPC (s)	339	68.53	196	55.25	535	62.94
3	Chạy con thoi 4 × 10m (s)	248	50.26	144	40.67	392	46.11
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	160	32.43	108	30.52	268	31.52
	Trung bình	247	49.89	152	42.74	399	46.94

Bảng 5. Thực trạng thể lực của học sinh THPT chuyên Khối lớp 12 các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc (17 tuổi) thời điểm năm học 2016 - 2017

TT	Nội dung	Học sinh nam (n = 489)		Học sinh nữ (n = 351)		Tổng (n = 840)	
		Số đạt yêu cầu	Tỷ lệ %	Số đạt yêu cầu	Tỷ lệ %	Số đạt yêu cầu	Tỷ lệ %
1	Bật xa tại chỗ (cm)	240	49.24	157	44.84	397	47.26
2	Chạy 30m XPC (s)	355	68.65	194	55.23	549	65.35
3	Chạy con thoi 4 × 10m (s)	246	50.35	141	40.35	387	46.07
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	159	32.48	107	30.46	266	31.66
	Trung bình	250	51.12	150	42.66	400	47.61

Nhìn chung, xét tỷ lệ học sinh ở mức đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực trung bình ở tất cả các nội dung chỉ có tỷ lệ lần lượt là: 45.86% (lớp 10), 46.94% (lớp 11) và 47.61% (lớp 12) đạt yêu cầu. Trong đó nam đạt tỷ lệ lần lượt là: 49.90% (lớp 10), 49.89% (lớp 11) và 51.12% (lớp 12), nữ đạt tỷ lệ thấp hơn lần lượt là: 42.70% (lớp 10), 42.74% (lớp 11) và 42.66% (lớp 12).

3. KẾT LUẬN

Từ những kết quả nghiên cứu nêu trên của tác giả, cho phép đi đến một số kết luận sau:

Các điều kiện đảm bảo về cán bộ cho hoạt động ngoại khóa thể dục thể thao còn nhiều khó khăn. Hầu hết các trường chưa bố trí được đội ngũ giáo viên TDTT tham gia phụ trách, hướng dẫn học sinh tập luyện ngoại khóa một cách có hiệu quả. Chưa có những hình thức tổ chức tập luyện ngoại khóa thể dục thể thao cho học sinh, trong khi nhu cầu của học sinh là tương đối cao.

Công tác giáo dục thể chất trong các trường THPT chuyên trên địa bàn các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc còn một số tồn tại cơ bản như: Nội dung chương trình môn học thể dục còn đơn điệu, nghèo nàn, cơ sở vật chất chưa đáp ứng, chưa xây dựng và tổ chức được mô hình câu lạc bộ thể thao để các em học sinh tham gia tập luyện. Vì vậy giờ học còn mang tính hình thức, thụ động, chưa phát huy được

tính tích cực của giờ học đối với sự phát triển thể chất, ý chí, nhân cách của học sinh.

Các điều kiện cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo về cán bộ và kinh phí cho công tác giáo dục thể chất còn nhiều khó khăn. Chưa có chính sách đãi ngộ thích hợp động viên cán bộ giáo viên và vận động viên tham gia hoạt động phong trào thể dục thể thao cũng như phong trào tập luyện ngoại khóa và thi đấu các môn thể thao.

Thực trạng thể lực của học sinh THPT chuyên các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc còn thấp, mặc dù có sự phát triển về hình thái, cũng như trình độ thể lực chung theo lứa tuổi (lứa tuổi 15, 16 và 17), tuy nhiên sự phát triển đó còn chậm, và so với thể chất người Việt Nam năm 2001 còn thấp. Tỷ lệ học sinh đạt yêu cầu về tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trung bình chỉ đạt 45.86% (lớp 10), 46.94% (lớp 11) và 47.61% (lớp 12). Trong đó tỷ lệ số học sinh nữ đạt yêu cầu thấp hơn số học sinh nam.

Tài liệu tham khảo

1. Ngũ Duy Anh, Vũ Đức Thu (2003), “Tình hình phát triển thể chất của học sinh phổ thông ở nước ta trong những thập kỷ qua” *Kỷ yếu Hội nghị khoa học thể thao Đông Nam Á - Việt Nam 2003*, Nxb TDTT, tr.21-37.

2. Lê Bửu, Nguyễn Thế Truyền (1991), *Lý luận và phương pháp thể thao trẻ*, Nxb TDTT, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Hoàng Công Dân (2005), *Nghiên cứu phát triển thể chất cho học sinh các trường dân tộc nội trú khu vực miền núi phía Bắc từ 15 đến 17 tuổi*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.

4. Trần Đức Dũng (2010), *Nghiên cứu sự phát triển thể chất của học sinh phổ thông từ lớp 1 đến lớp 12 (thời điểm 2002 đến 2013)*, Đề tài KHCN cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Đồng Hương Lan (2016), *Nghiên cứu phát triển thể chất của học sinh trung học phổ thông chuyên các tỉnh Bắc miền Trung*, Luận án Tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: Bài viết được trích dẫn từ luận án Tiến sĩ Giáo dục học (2019): “越南北部山区和中部地区重点高中学生身体素质促进研究”. Đề tài đã bảo vệ và thông qua trước Hội đồng khoa học trường Đại học thể thao Bắc Kinh – Trung Quốc.

Ngày nhận bài: 15/05/2022

Ngày đánh giá: 14/06/2022

Ngày duyệt đăng: 26/6/2022